

CÔNG TƠ ĐIỆN 3 PHA LOẠI MV

THREE PHASE METERS TYPE MV

EMIC[®]
ISO 9001 : 2015



ĐẶC TRƯNG

Công tơ điện 3 pha loại MV có đặc tính và độ tin cậy cao, dùng để đo năng lượng dạng hữu công (kWh) hoặc năng lượng vô công (kvarh) ở lưới điện xoay chiều 3 pha 3 dây hoặc 3 pha 4 dây. Công tơ MV gồm có loại công tơ 3 pha 2 phần tử và 3 pha 3 phần tử.

- Hiệu chỉnh dễ.
- Mômen quay lớn.
- Ma sát nhỏ.
- Độ nhạy cao.
- Tổn thất thấp.
- Ảnh hưởng nhiệt độ thấp.
- Độ ổn định cao.
- Chịu quá tải lớn.
- Chịu điện áp cao.
- Cách điện cao.
- Gắn đỡ dưới 2 chân kính hoặc gổ từ.
- Chống ăn cắp điện: Cơ cấu chống quay ngược hoặc bộ số 1 hướng.).

TÍNH NĂNG KỸ THUẬT

- Chung loại:
 - + Công tơ điện 3 pha hữu công (kWh): 3 phần tử (3 pha 4 dây) hoặc 2 phần tử (3 pha 3 dây).
- Tiêu chuẩn: IEC 62052-11, IEC 62053-11, IEC 60521
- Điện áp danh định:
 - + 3 pha 4 dây: 57,8/100V; 63,5/110V; 120/208V; 127/220V; 133/230V; 230/400V; 240/415V.
 - + 3 pha 3 dây: 100V; 110V; 120V; 208V; 210V; 220V; 230V; 240V; 380V; 400V; 415V.
- Tần số danh định: 50Hz hoặc 60Hz
- Dòng điện: 1A; 5(6)A; 5(10)A; 5(20)A; 10(20)A; 10(40)A; 20(40)A; 20(80)A; 25(50)A; 30(60)A; 30(90)A; 50(100)A.
- Cấp chính xác: 1 hoặc 2.

GENERAL

Three phase electric meters type MV have high performance and high reliability. They are built for measurement active energy (kWh) or reactive energy (kvarh) in alternating current three-phase three-wire or three-phase four-wire networks. They consist of two-element and three-element meters.

- Simple adjustment.
- High torque
- Low friction.
- Low starting current.
- Low power consumption.
- Low temperature coefficient.
- High stability.
- High resistance to short circuits.
- High resistance to surge voltage.
- High dielectric strength.
- Double jewel or magnetic lower bearing.
- Prevent electric steal: Non-reverse running device or Uni-directional register.

SPECIFICATIONS

- Active three phase meters (kWh):
 - 3 elements (3 phase 4-wire)
 - or 2 elements (3 phase 3-wire)
- Reactive three phase meter (kvarh)
- Standards: IEC 62052-11, IEC 62053-11, IEC 60521
- Rated voltage:
 - + 3 phase 4-wire: 57,8/100V; 63,5/110V; 120/208V; 127/220V; 133/230V; 230/400V; 240/415V.
 - + 3 phase 3-wire: 100V; 110V; 120V; 208V; 210V; 220V; 230V; 240V; 380V; 400V; 415V.
- Rate frequency: 50Hz or 60Hz
- Current: 1A; 5(6)A; 5(10)A; 5(20)A; 10(20)A; 10(40)A; 20(40)A; 20(80)A; 25(50)A; 30(60)A; 30(90)A; 50(100)A.
- Class: 1 or 2

CÔNG TƠ ĐIỆN 3 PHA LOẠI MV

THREE PHASE METERS TYPE MV

KÝ HIỆU CÔNG TƠ ĐIỆN 3 PHA LOẠI MV

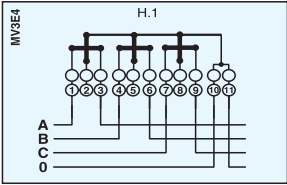
NOMENCLATURE

TT No	Ký hiệu <i>Nomenclature</i>	Tên gọi <i>Name</i>	Những ký hiệu đặc biệt- <i>Special regulation</i>		
			n_1 Loại gối đỡ dưới Lower bearing type	n_2 Loại bỏ số Register type	n_3 Loại biểu giá Tariff type
1	MV2E3 $n_1n_2n_3$	Công tơ điện 3 pha 2 phần tử lưới điện 3 dây <i>Three phase 3-wire 2-element meter</i>	$n_2=m$ Gối đỡ từ <i>Magnetic bearing</i>	$n_2=r$ Bộ số 1 hướng <i>Uni-directional register</i>	$n_3=2T; 3T$ Công tơ 2 biểu giá hoặc 3 biểu giá <i>2-tariff or 3-tariff</i>
2	MV3E4R $n_1n_2n_3$	Công tơ điện 3 pha vô công lưới điện 4 dây <i>Three phase 4-wire 3-element reactive meter</i>	Không có ký hiệu n_2 <i>without designation n_2</i>	Không có ký hiệu n_2 <i>without designation n_2</i>	Không có ký hiệu n_3 <i>without designation n_3</i>
3	MV3E4 $n_1n_2n_3$	Công tơ điện 3 pha hữu công lưới điện 4 dây <i>Three phase 4-wire 3-element meter</i>	Gối đỡ bi và 2 chân kính <i>Double jewel bearing</i>	Bộ số thường và cơ cấu chống quay ngược <i>Normal register and Non-reverse running device</i>	Công tơ 1 biểu giá <i>1-tariff</i>

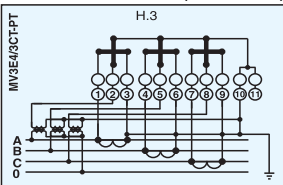
SƠ ĐỒ ĐẦU DÂY

CONNECTION DIAGRAMS

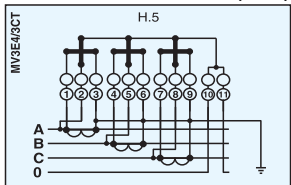
SƠ ĐỒ ĐẦU DÂY TRỰC TIẾP
DIRECT CONNECTION



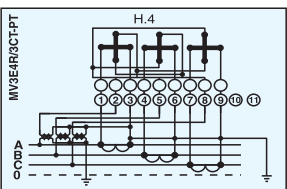
SƠ ĐỒ ĐẦU DÂY HỮU CÔNG
GIÁN TIẾP QUA 3 CT VÀ PT
INDIRECT CONNECTION (3 CT AND PT)



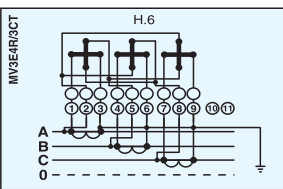
SƠ ĐỒ ĐẦU DÂY HỮU CÔNG
GIÁN TIẾP QUA 3 CT
INDIRECT CONNECTION (3 CT)



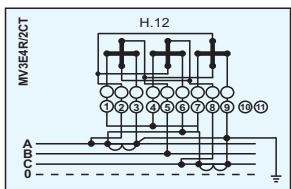
SƠ ĐỒ ĐẦU DÂY VÔ CÔNG
GIÁN TIẾP QUA 3 CT VÀ PT
INDIRECT CONNECTION (3 CT AND PT)



SƠ ĐỒ ĐẦU DÂY VÔ CÔNG
GIÁN TIẾP QUA 3 CT
INDIRECT CONNECTION (3 CT)

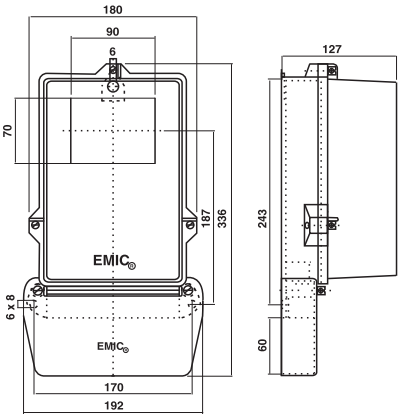


SƠ ĐỒ ĐẦU DÂY HỮU 2 PHẦN TỬ
GIÁN TIẾP QUA 2 CT VÀ 2 PT
INDIRECT CONNECTION (2 CT AND 2 PT)



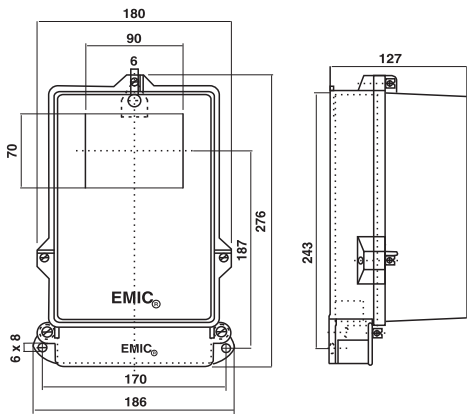
KÍCH THƯỚC NGOÀI (mm)

OUTER DIMENSIONS (mm)



MV-3

Công tơ có nắp che ổ đầu dây dài
Meter with extended terminal cover



MV-4

Công tơ có nắp che ổ đầu dây ngắn
Meter with short terminal cover



CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ ĐIỆN GELEX

Tòa nhà GELEX, số 52 Lê Đại Hành, P. Lê Đại Hành, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam
KCN Đại Đồng - Hoàn Sơn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam
(84-24) 3 6331508 (84-24) 3 6331510 www.gelexelectric.vn ge@gelexelectric.vn

GELEX ELECTRIC EQUIPMENT COMPANY LIMITED

GELEX Tower, No.52 Le Dai Hanh Str., Hai Ba Trung Dist., Hanoi, Vietnam
Dai Dong-Hoan Son Industrial Zone, Tien Du, Bac Ninh province, Vietnam
(84-24) 3 6331508 (84-24) 3 6331510 www.gelexelectric.vn ge@gelexelectric.vn